TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA H'DRAI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2024

V/v " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA H'DRAI TỈNH KONTUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Trọng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Rô Man Duyên và bà Lò Thị Sai.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Lê Thị Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/02/2024 (thụ lý cũ số 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2023), về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lường Thị Á, sinh năm 1988 (Có mặt);

- Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1983 (Có mặt);

Cùng trú tại: Thôn 2, xã I, huyện I, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2023, các bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Lường Thị Á trình bày và yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Á) và anh Hà Văn T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2007, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do không hợp nhau, không còn yêu thương nhau, anh T không tôn trọng tôi và nhiều lần chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm, bạo lực gia đình đối với tôi. Tôi đã dọn nhà ra ở riêng, không chung sống cùng anh Hà Văn T từ tháng 12/2023 cho đến nay.

Nay, tôi thấy mâu thuẫn giữa chúng tôi đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Giữa chúng tôi cũng chỉ sống chung như vợ chồng chứ không đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy

tôi đề nghị Toà giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và anh Hà Văn T.

Về con chung: Giữa chúng tôi có 02 chung là Hà Duy T, sinh ngày 09/8/2007 và Hà Thị Thuỳ L, sinh ngày 01/10/2010. Nguyện vọng của tôi là được trực tiếp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Hà Thị Thuỳ L và giao con chung Hà Duy T cho anh Hà Văn T chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu tròn 18 (mười tám) tuổi. Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết và tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Hà Văn T trình bày và yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất lời trình bày của cô Á về quá trình chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Từ năm 2007 chúng tôi sống chung với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Đến năm 2022 giữa chúng tôi thường xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Lý do là vì chúng tôi không hợp nhau, không còn yêu thương nhau nên thường xuyên xảy ra cải vã, có những lời lẽ không tôn trọng nhau. Đến cuối năm 2023, cô Lường Thị Á cũng đã dọn nhà ra ở riêng, chúng tôi ly thân từ đó cho đến nay. Nay tôi thấy mâu thuẫn giữa chúng tôi cũng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, chúng tôi chỉ sống chung mà không đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, tôi cũng thống nhất yêu cầu đề nghị Toà giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và cô Ánh.

Về con chung: Giữa chúng tôi có 02 chung là Hà Duy T, sinh ngày 09/8/2007 và Hà Thị Thuỳ L, sinh ngày 01/10/2010. Tôi đồng ý nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Hà Duy T và giao con chung Hà Thị Thuỳ L cho cô Lường Thị Á chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu tròn 18 (mười tám) tuổi. Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử ... Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9 và Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12-

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lường Thị Á và anh Hà Văn T là vợ chồng. Về con chung: Giao con chung Hà Duy T, sinh ngày 09/8/2007 cho anh Hà Văn T chăm sóc nuôi dưỡng và giao con chung Hà Thị Thuỳ L, sinh ngày 01/10/2010 cho chị Lường Thị Á chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 (mười tám) tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lường Thị Á và anh Hà Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không. Về án phí: Chị Lường Thị Á phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình, xác định đây là tranh chấp về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Hà Văn T cư trú tại: Thôn 2, xã I, huyện I, tỉnh K. Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lường Thị Á và anh Hà Văn T đều khai nhận chị Á, anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 nhưng chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau một thời gian chung sống đến năm 2022 giữa chị Á và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp, không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau mâu thuẫn và đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình*".

Vì thế, có căn cứ pháp luật chấp nhận đơn khởi kiện "*Ly hôn*" của chị Lường Thị Á (đơn đề ngày 25/12/2023) để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lường Thị Á và anh Hà Văn T.

[2.2] *Về con chung:* Chị Lường Thị Á có nguyện vọng được nuôi con Hà Thị Thuỳ L, sinh ngày 01/10/2010. Anh Hà Văn T có nguyện vọng nuôi con Hà Duy T, sinh ngày 09/8/2007, chị Á và anh T không ai yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị Á và anh T là phù hợp với nguyện vọng của con chung, nên giao con là Hà Thị Thuỳ L, sinh ngày 01/10/2010 cho chị Lường Thị Á và giao con Hà Duy T, sinh ngày 09/8/2007 cho anh Hà Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu tròn 18 (Mười tám) tuổi. Chị Á và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai đưa ra các tình tiết của vụ án, quan điểm, hướng giải quyết vụ án và ý kiến về việc Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lường Thị Ánh. Xét quan điểm trên của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Lường Thị Á là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14; khoản 2 Điều 53 , Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* ngày 25 tháng 12 năm 2023 của chị Lường Thị Á.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lường Thị Á và anh Hà Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Hà Duy T, sinh ngày 09/8/2007 cho anh Hà Văn T chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu tròn 18 (Mười tám) tuổi. Giao con chung Hà Thị Thuỳ L, sinh ngày 01/10/2010 cho chị Lường Thị Á chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu tròn 18 (Mười tám) tuổi. Chị Lường Thị Á và anh Hà Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lường Thị Á và anh Hà Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chị Lường Thị Á phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002557 ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum. Chị Lường Thị Á đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/3/2024) nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum
- VKSND huyện Ia H'Drai;
- Chi cục THADS huyện Ia H'Drai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Trọng Nguyên